

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM**



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CỬ NHÂN KINH TẾ BIỂN (CHẤT LƯỢNG CAO)**
(Dành cho sinh viên từ khóa 62)

**TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC
CHUYÊN NGÀNH: KINH TẾ BIỂN (CHẤT LƯỢNG CAO)
NGÀNH: KINH TẾ VẬN TẢI
MÃ NGÀNH: 7840104**

HẢI PHÒNG, 9/2021

MỤC LỤC

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH	2
1.1. Giới thiệu chương trình	2
1.2. Thông tin chung về chương trình	2
1.3. Triết lý giáo dục	2
1.4. Nhiệm vụ/sứ mạng của chương trình	2
1.5. Mục tiêu của chương trình	2
1.6. Kết quả học tập dự kiến	3
1.7. Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp	6
1.8. Tiêu chuẩn nhập học, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp	7
1.9. Các chiến lược dạy - học và phương pháp đánh giá	8
2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC	
2.1. Cấu trúc chương trình và phân nhiệm kết quả học tập mong đợi về kiến thức	10
2.2. Ma trận phân nhiệm kết quả học tập mong đợi về kỹ năng, thái độ	16
2.3. Kế hoạch học tập toàn khóa	19
2.4. Tóm tắt các học phần	20

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH

1.1. Giới thiệu chương trình

Chương trình đào tạo chuyên ngành Kinh tế ngoại thương CLC do Viện đào tạo chất lượng cao xây dựng, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam thẩm định và ban hành. Chương trình được định kỳ rà soát, cập nhật, chỉnh sửa đáp ứng nhu cầu thực tiễn đối với sinh viên tốt nghiệp cũng như đáp ứng đầy đủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam. Người học khi tham gia chương trình được đào tạo không chỉ về kiến thức mà còn được rèn luyện cả về kỹ năng, thái độ đáp ứng Khung trình độ quốc gia Việt Nam cũng như một số yêu cầu quốc tế khác đối với năng lực của người lao động trong thế kỷ 21.

1.2. Thông tin chung về chương trình

Tên chương trình:	CTĐT cử nhân Kinh tế biển chất lượng cao
Cơ quan/Viện trao bằng cấp:	Trường Đại học Hàng hải Việt Nam
Các đơn vị tham gia giảng dạy:	Trường Đại học Hàng hải Việt Nam
Chứng nhận chuyên môn:	Bằng đại học
Học vị sau tốt nghiệp:	Cử nhân
Mô hình học tập:	Toàn thời gian
Tổng số tín chỉ:	132
Ngôn ngữ sử dụng:	Tiếng Việt, Tiếng Anh
Thời lượng đào tạo:	4 năm (8 học kỳ)
Website:	http://vimaru.edu.vn
Cập nhật lần cuối:	Tháng 9/2021

1.3. Triết lý giáo dục

Triết lý giáo dục của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam: “Trí tuệ - Sáng tạo - Trách nhiệm - Nhân văn”.

1.4. Nhiệm vụ/sứ mạng của chương trình

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ chiến lược phát triển kinh tế biển và công cuộc xây dựng bảo vệ tổ quốc, hội nhập quốc tế nói chung.

1.5. Mục tiêu của chương trình

Đào tạo cử nhân ngành Kinh tế vận tải biển một cách toàn diện trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế về giáo dục đại học, đó là sự kết hợp giữa các mặt: kiến thức, kỹ năng, năng lực

thực hành và phẩm chất đạo đức. Sinh viên ra trường có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có ý thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nắm vững kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo.

Chương trình trang bị kiến thức, kỹ năng và phẩm chất cần thiết cho nguồn lao động trong lĩnh vực Kinh tế vận tải biển quốc tế. Sinh viên có khả năng tác nghiệp, kinh doanh, phân tích, nghiên cứu về các vấn đề kinh tế biển và có khả năng tiếp tục học tập, tham gia ở bậc học cao hơn, tích lũy kinh nghiệm để trở thành nhà lãnh đạo, chuyên gia trong lĩnh vực Kinh tế vận tải biển.

Sinh viên ra trường có tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo, có phẩm chất đạo đức tốt, có kỹ năng giao tiếp tốt và làm việc hiệu quả, có khả năng giao tiếp và làm việc bằng tiếng Anh.

1.6. Chuẩn đầu ra của chương trình

Mã số	Nội dung	Khung TĐQG	TĐN L
1	KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH		
1.1	Kiến thức cơ bản về toán học và KHTN		
1.1.1	Toán học chuyên đề (toán kinh tế)	K1	IT3.5
1.1.1.1	Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về toán học tối ưu		3.5
1.1.1.2	Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về xác suất và quy luật phân bố xác suất		3.5
1.2	Kiến thức cơ bản về KHXH, khoa học chính trị, pháp luật và quản lý		
1.2.1	Nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	K2	IT3.5
1.2.1.1	Có khả năng hiểu và tiếp nhận, phản hồi hệ thống những quan điểm về tự nhiên và về xã hội, làm sáng tỏ nguồn gốc, động lực, những quy luật chung của sự vận động, phát triển của tự nhiên và của xã hội loài người.		3.5
1.2.2	Nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	K2	IT3.5
1.2.2.1	Có khả năng hiểu về các phương thức sản xuất, học thuyết kinh tế từ đó hình thành năng lực tư duy lý luận, tư duy độc lập trong phân tích và giải quyết các vấn đề thực tiễn chính trị - xã hội		3.5
1.2.3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	K2	IT3.5

1.2.3.1	<i>Có khả năng hiểu biết mang tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh từ đó góp phần xây dựng nền tảng con người mới.</i>		3.5
1.2.4	Pháp luật đại cương	K2	IT3
1.2.4.1	<i>Có hiểu biết cơ bản về hệ thống pháp luật kinh tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh</i>		3
1.2.4.2	<i>Nắm được địa vị các chủ thể kinh tế trong nền kinh tế quốc dân</i>		3
1.2.5	Đường lối cách mạng ĐCSVN	K2	IT3.5
1.2.5.1	<i>Có khả năng hiểu biết về các kiến thức cơ bản có hệ thống về đường lối cách mạng của Đảng bao gồm hệ thống quan điểm, chủ trương về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam từ đó ý thức được trách nhiệm công dân của mình đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng</i>		3.5
1.2.5.2	<i>Có khả năng áp dụng các hiểu biết về lý luận kinh tế, chính trị, xã hội giải thích lý luận của chủ nghĩa Mác – Lê nin về chủ nghĩa xã hội</i>		3.5
1.3	Kiến thức cơ sở ngành		
1.3.1	Giới thiệu ngành kinh tế	K2	IT2
1.3.1.1	<i>Giới thiệu tổng quan về ngành kinh tế, bối cảnh hiện tại và triển vọng công việc trong tương lai đối với sinh viên ngành Kinh tế vận tải biển</i>		2
1.3.2	Kinh tế vi mô	K1	IT2
1.3.2.1	<i>Có khả năng hiểu biết mang tính hệ thống về những khái niệm cơ bản về khoa học kinh tế, lý thuyết cung cầu, lý thuyết về hành vi của người tiêu dùng và hành vi của người sản xuất</i>		2
1.3.2.2	<i>Có hiểu biết cơ bản về các cấu trúc của thị trường, các thất bại thị trường và các biện pháp khắc phục của Chính phủ</i>		2
1.3.3	Tài chính tiền tệ	K1	IT2
1.3.3.1	<i>Có khả năng hiểu và vận dụng các lý luận nền tảng về tài chính, tiền tệ trong nền kinh tế thị trường, làm tiền đề để nghiên cứu các môn nghiệp vụ thuộc khối ngành Kinh tế và Tài chính Kế toán, bao gồm các kiến thức chung về thị trường tài chính, tài</i>		2

	<i>chính doanh nghiệp, giá trị thời gian của tiền, các định chế tài chính và quá trình cung ứng tiền tệ.</i>		
1.3.4	Kinh tế vĩ mô	K1	IT2
1.3.4.1	<i>Có hiểu biết mang tính hệ thống về những khái niệm, cách tính toán và ý nghĩa của các biến số kinh tế vĩ mô</i>		2
1.3.4.2	<i>Có hiểu biết cơ bản về những chính sách của chính phủ và tác động của chúng đến nền kinh tế.</i>		2
1.3.5	Nguyên lý thống kê	K1	2
1.3.5.1	<i>Có những hiểu biết mang tính hệ thống về các nguyên tắc, nguyên lý thống kê, các bảng biểu thống kê thường gặp trong thực tiễn.</i>		2
1.3.5.2	<i>Có khả năng áp dụng, xây dựng và cung cấp các phương pháp phân tích đánh giá mặt lượng các hoạt động kinh tế - xã hội của các tổ chức, đơn vị.</i>		2
1.3.6	Thuế vụ	K1	IT2
1.3.6.1	<i>Có khả năng hiểu và vận dụng kiến thức chung về thuế và nội dung cơ bản của chính sách thuế hiện hành. Học phần giúp sinh viên hiểu và vận dụng được cách tính các loại thuế liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Học phần đề cập tới các nội dung: Đại cương về thuế; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; thuế tiêu thụ đặc biệt; thuế bảo vệ môi trường; thuế giá trị gia tăng; thuế thu nhập doanh nghiệp; thuế thu nhập cá nhân.</i>		2
1.3.7	Kinh tế lượng	K4	IT3
1.3.7.1	<i>Có khả năng hiểu biết mang tính hệ thống những kiến thức cơ bản về kinh tế lượng, các bước tiến hành để đi lượng hóa mối quan hệ giữa các biến kinh tế, hiểu thế nào là phân tích hồi quy.</i>		3
1.3.7.2	<i>Có hiểu biết cơ bản về hàm hồi quy đơn, hàm hồi quy bội, hàm hồi quy biến giá.</i>		3
1.3.7.3	<i>Có khả năng đánh giá mức độ phù hợp của mô hình, phát hiện các khuyết tật và biện pháp khắc phục nếu có, để có thể phục vụ cho công tác dự báo trong nghiên cứu kinh tế.</i>		3

1.3.8	Logistics và vận tải đa phương thức	K1	IT2.5
1.3.8.1	Có hiểu biết hệ thống khái niệm về Logistics, Logistics kinh doanh, dịch vụ Logistics.		2.5
1.3.8.2	Có hiểu biết về các loại hình dịch vụ logistics và quy định pháp luật về dịch vụ Logistics.		2.5
1.3.8.3	Có hiểu biết về các vấn đề cơ bản của Vận tải đa phương thức, chứng từ Vận tải đa phương thức, phạm vi trách nhiệm và trường hợp miễn trách của người kinh doanh vận tải đa phương thức.		2.5
1.3.9	Giao dịch thương mại quốc tế	K1	IT2.5
1.3.9.1	Có hiểu biết cơ bản về các phương thức giao dịch phổ biến, về hình thức và nội dung của hợp đồng thương mại quốc tế cũng như các điều kiện thương mại quốc tế thường được sử dụng bởi các thương nhân, doanh nghiệp trong quá trình làm ăn buôn bán.		2.5
1.3.9.2	Sinh viên được rèn luyện một số kỹ năng quan trọng như giao dịch bằng thư tín thương mại, lập hợp đồng thương mại		2.5
1.3.10	Thực tập cơ sở ngành	K1	TU2.5
1.3.10.1	Có khả năng tìm hiểu thực tế và viết báo cáo thực tập		2.5
1.3.11	Nghiep vụ hải quan	K1	IT3
1.3.13.1	Có được những kiến thức liên quan đến các cơ sở pháp quy chủ yếu của nghiệp vụ hải quan như xuất xứ hàng hoá, cách xác định trị giá tính thuế, các nghiệp vụ kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan cũng như thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu.		3
1.3.13.2	Có khả năng chuẩn bị hồ sơ để xin cấp giấy chứng nhận xuất xứ, khai hải quan điện tử trên phần mềm khai hải quan hiện hành, làm thủ tục hải quan cho hàng hoá xuất nhập khẩu.		3
1.3.12	Lý thuyết & kết cấu tàu thủy	K1	IT3
1.3.12.1	Những kiến thức đại cương về các đặc trưng kỹ thuật – khai thác của tàu biển: đặc trưng về chiều dài, đặc trưng về trọng lượng và về dung tích, tốc độ tàu, tự hành hay không tự hành,		3

	<i>tầm xa bơi lội và một số đặc trưng khác của tất cả các loại tàu vận tải</i>		
1.3.12.2	<i>Biết được các tính năng hàng hải của con tàu: Tính nổi, Tính ổn định, tính chống chìm, Tính lắc,.. Các kết cấu và kiểu liên kết kết cấu của từng vùng cụ thể trên tàu thủy</i>		3
1.3.13	Máy nâng chuyển	K1	IT3
1.3.13.1	<i>Đặc điểm, các thông số cơ bản của Máy nâng chuyển Cấu tạo, nguyên lý hoạt động Máy nâng chuyển Lựa chọn các Máy nâng chuyển phù hợp với mục đích khai thác, sử dụng</i>		3
1.3.13.2	<i>Biết cách đọc các thông số cơ bản của các Máy nâng chuyển. Biết cách nhận dạng, lựa chọn các loại Máy nâng chuyển. Biết đọc các sơ đồ cấu tạo và nguyên lý hoạt động của các loại Máy nâng chuyển</i>		3
1.3.14	Quản trị chiến lược chuỗi cung ứng	K1	IT3
1.3.14.1	<i>Có kiến thức về hệ thống chuỗi cung ứng, và quản trị chiến lược chuỗi cung ứng thông qua việc giới thiệu cho người học những khái niệm, hoạt động, tác động của thông tin cũng như cách đo lường hiệu quả và xây dựng chuỗi cung ứng trong doanh nghiệp.</i>		3
1.3.14.2	<i>Biết về quản trị chiến lược chuỗi cung ứng, mô hình quản trị chiến lược chuỗi cung ứng hiện nay.</i>		3
1.3.15	Phân tích hoạt động KT	K1	IT3.5
1.3.15.1	<i>Có khả năng hiểu biết mang tính hệ thống cơ sở lý luận của PTHĐKT, đánh giá chung tình hình SXKD của doanh nghiệp.</i>		3.5
1.3.15.2	<i>Có khả năng phân tích tình hình thực hiện chỉ tiêu sản lượng, tình hình sử dụng TSCĐ, tình hình Lao động – tiền lương, tình hình thực hiện chỉ tiêu giá thành, tình hình thực hiện chỉ tiêu lợi nhuận, tình hình tài chính.</i>		3.5
1.3.16	Anh văn cơ bản 1	K1	IT2
1.3.16.1	<i>Có kiến thức về các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong giao tiếp, gồm các vấn đề về cấu trúc câu, thời động từ, mệnh đề quan hệ, liên từ, các cấp so sánh., v.v</i>		2
1.3.16.2	<i>Biết các hoạt động giúp củng cố kỹ năng nghe, nói, đọc viết dưới nhiều chủ đề khác nhau.</i>		2

1.3.17	Anh văn cơ bản 2	K1	IT2.5
1.3.17.1	Tiếp tục cung cấp kiến thức cao hơn về các hiện tượng ngữ pháp trong giao tiếp, gồm các thời động từ (quá khứ, hiện tại hoàn thành, quá khứ hoàn thành), danh động từ, động từ nguyên mẫu, động từ khuyết thiếu, thành ngữ động từ, giới từ, đại từ, câu bị động, câu trực tiếp, gián tiếp ., v.v.		2.5
1.3.17.2	Kỹ năng nghe gồm các bài hội thoại, phỏng vấn, chương trình phát thanh, v.v. Kỹ năng nói luyện chuyên sâu kỹ năng trả lời interview (phỏng vấn) và tự trình bày ngắn về các chủ đề quen thuộc với cuộc sống như gia đình, sở thích, quê hương, lễ hội, du lịch, phát thanh, truyền hình, thời tiết, v.v. Kỹ năng viết chuyên sâu về việc sử dụng đúng ngữ pháp, đúng cấu trúc câu để viết đoạn văn có độ dài trung bình (80-100 từ). Đọc gồm các bài báo ngắn về thể thao, động vật, trường học, phát minh, sức khỏe, lối sống, v.v.		2.5
1.3.18	Anh văn cơ bản 3	K1	TU3
1.3.18.1	Học phần này tiếp tục củng cố và mở rộng kiến thức ngữ pháp trong giao tiếp, gồm các thời động từ (thể hiện tại, quá khứ, tương lai), so sánh, động từ khuyết thiếu, v.v. Các chủ đề từ vựng tiếp tục trải rộng từ thể thao, thực phẩm, gia đình, tiền bạc, lối sống, du lịch, giao thông, văn hóa ..v..v		3
1.3.18.2	Chương trình cũng bao gồm các hoạt động giúp củng cố kỹ năng nghe, nói, đọc viết dưới nhiều chủ đề khác nhau. Kỹ năng nghe gồm các bài hội thoại, phỏng vấn, chương trình phát thanh, v.v.		3
1.3.19	Anh văn cơ bản 4	K1	TU3. 5
1.3.19.1	Học phần này tiếp tục củng cố và mở rộng kiến thức ngữ pháp trong giao tiếp, gồm các thời động từ (thể hiện tại, quá khứ, tương lai), so sánh, động từ khuyết thiếu, v.v. Các chủ đề từ vựng tiếp tục trải rộng từ thể thao, thực phẩm, gia đình, tiền bạc, lối sống, du lịch, giao thông, văn hóa ..v..v		3.5
1.3.19.2	Chương trình cũng bao gồm các hoạt động giúp củng cố kỹ năng nghe, nói, đọc viết dưới nhiều chủ đề khác nhau. Kỹ năng		3.5

	nghe gồm các bài hội thoại, phỏng vấn, chương trình phát thanh, v.v.		
1.4	Kiến thức chuyên ngành, phương pháp và công cụ		
1.4.1	Địa lý vận tải	K1	IT3
1.4.1.1	Giúp người học nhận thức về những ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên như vị trí địa lý, các hiện tượng thời tiết khí hậu đối với hoạt động vận tải biển.		3
1.4.1.2	Trang bị kiến thức cơ bản về mặt địa lý cho sinh viên, có thể tự tìm các tuyến vận tải phổ biến trên thế giới, các kênh đào, eo biển quan trọng.		3
1.4.2	Shipping Economics	K1	IT3.5
1.4.2.1	Giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về Kinh tế vận chuyển bằng đường biển và ảnh hưởng của các yếu tố tới công tác kinh doanh khai thác đội tàu vận tải biển.		3.5
1.4.2.2	Cung cấp sinh viên kiến thức về đặc điểm ngành, tổng quan về kinh tế vận tải biển, thị trường vận tải, cung cầu vận chuyển, chi phí vận tải biển, giá cước vận tải đường biển, các chỉ tiêu kinh tế - khai thác và hiệu quả trong vận tải biển cũng như các kiến thức tổng quát có liên quan.		3.5
1.4.3	Port Economics	K1	IT3
1.4.3.1	Giúp cho sinh viên hiểu vai trò, chức năng của cảng biển, các trang thiết bị tại cảng.		3
1.4.3.2	Hiểu được những vấn đề chung về cảng. Thị trường phục vụ của cảng. Hoạt động của cảng và quản lý cảng. Tài sản cố định trong quá trình sản xuất ở cảng. Tổ chức sản xuất kỹ thuật ở cảng. Chi phí sản xuất phục vụ ở cảng. Hiệu quả kinh tế của hoạt động sản xuất phục vụ ở cảng		3
1.4.4	Luật vận tải biển	K4	TU3.5
1.4.4.1	Giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về pháp luật vận tải biển của Việt nam và những quy định theo các điều ước quốc tế		3.5
1.4.4.2	Hoàn thiện khả năng tìm kiếm thông tin, nghiên cứu tài liệu, phân tích và xử lý tình huống trong thực tiễn có thể gặp phải.		3.5

1.4.5	Đại lý tàu & Giao nhận hàng hóa	K4	TU3. 5
1.4.5.1	<i>Giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về Đại lý tàu biển và giao nhận hàng hóa tại cảng biển và các khung pháp lý chi phối tới hoạt động đại lý tàu biển và giao nhận ở Việt Nam. Trang bị kiến thức cơ bản và thực hành các kỹ năng kỹ thuật cơ bản về hoạt động môi giới trong lĩnh vực hàng hải.</i>		3.5
1.4.5.2	<i>Người học được cung cấp các kiến thức cần thiết để hoàn thiện kỹ năng nhằm thực hiện tốt công việc của người đại lý.</i>		3.5
1.4.5.3	<i>Khả năng làm việc và thảo luận nhóm, rèn luyện khả năng tư duy, giải quyết tình huống.</i>		3.5
1.4.6	Quản lý tàu	K5	IT3
1.4.6.1	<i>Giúp sinh viên hiểu được nghiệp vụ quản lý tàu biển, Hợp đồng quản lý tàu, Hợp đồng quản lý thuyền viên và dự án đầu tư tàu.</i>		3
1.4.6.2	<i>Giúp sinh viên áp dụng kiến thức đã học vào lập dự án mua tàu, lập hợp đồng quản lý tàu.</i>		3
1.4.7	Port Planning and Operations	K5	TU3. 5
1.4.7.1	<i>Giúp sinh viên hiểu được nguyên lý cơ bản trong công tác quản lý sản xuất ở cảng; công tác bốc dỡ hàng hóa đến cảng; khả năng thông qua của các khâu; nhân lực trong bốc dỡ hàng ở cảng; nguyên lý khi lựa chọn thiết bị xếp dỡ, công cụ mang hàng cũng như việc điều động phương tiện, thiết bị và nhân lực khi phục vụ tàu đến cảng</i>		3.5
1.4.7.2	<i>Giúp cho sinh viên áp dụng kiến thức đã học vào tiến hành tổ chức sản xuất ở cảng</i>		3.5
1.4.8	Ship Operations	K4	TU4
1.4.8.1	<i>Môn học cung cấp cho học viên có những kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ khai thác tàu vận tải biển theo các hình thức tổ chức vận chuyển.</i>		4
1.4.8.2	<i>Trang bị cho sinh viên ngành kinh tế vận tải biển những kỹ năng đàm phán ký kết hợp đồng vận chuyển, hợp đồng cho thuê tàu, kỹ năng soạn thảo và phát hành chứng từ vận</i>		4

	<i>chuyển, kỹ năng tổ chức chuyển đi và đánh giá chuyển đi của tàu.</i>		
1.4.9	Bảo hiểm hàng hải	K4	IT3
1.4.9.1	<i>Cung cấp kiến thức khái quát về bảo hiểm nói chung và các kiến thức chuyên ngành về bảo hiểm hàng hải.</i>		3
1.4.9.2	<i>Kỹ năng đàm phán, ký kết hợp đồng bảo hiểm hàng hải: Bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường biển, Bảo hiểm thân tàu và Bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ tàu. Kỹ năng giải quyết khiếu nại khi đối tượng bảo hiểm bị tổn thất.</i>		3
1.4.10	Thực tập chuyên ngành KTB	K4	U3.5
1.4.10.1	<i>Tìm hiểu và viết báo cáo về 1 trong các nghiệp vụ sau của doanh nghiệp: nghiệp vụ khai thác tàu và phương tiện vận tải biển, khai thác, kinh doanh cảng thủy, giao nhận hàng hóa,</i>		3.5
1.4.11	Thực tập & báo cáo tốt nghiệp	K5	U4
1.4.11.1	<i>Tìm hiểu, viết và báo vệ một trong các nghiệp vụ chuyên môn: trong các doanh nghiệp vận tải biển, cảng biển, các công ty dịch vụ trong ngành công nghiệp vận tải biển,</i>		4
1.4.11.2	<i>Xây dựng một kế hoạch tổ chức kinh doanh trong lĩnh vực chuyên môn: tại các doanh nghiệp vận tải biển, cảng biển, các công ty dịch vụ trong ngành công nghiệp vận tải biển,</i>		4
1.5	Kiến thức tự chọn		
1.5.1	Tin học văn phòng	K1	IT3
1.5.1.1	<i>Nắm bắt các chức năng cơ bản và nâng cao trong soạn thảo, hiệu chỉnh văn bản trên Word, Excel</i>		3
1.5.1.2	<i>Thành thạo trong việc soạn thảo văn bản trên Word - Thành thạo trong việc sử dụng bảng tính trên Excel.- Hình thành nhận thức về việc thiết kế các văn bản, bảng tính theo yêu cầu thực tế phát sinh, phát hiện và sửa chữa các lỗi thông thường trong soạn thảo.</i>		3
1.5.2	Quan hệ kinh tế quốc tế	K1	IT3
1.5.2.1	<i>vấn đề cơ bản về các quan hệ kinh tế quốc tế như khái niệm, nội dung, tính chất.</i>		3
1.5.2.2	<i>những vấn đề chung về liên kết và hội nhập kinh tế quốc tế như khái niệm, đặc trưng của liên kết kinh tế quốc tế; bản chất, tính</i>		3

	<i>tất yếu khách quan của hội nhập kinh tế quốc tế; các tác động của liên kết và hội nhập; các loại hình liên kết và hội nhập</i>		
1.5.3	Môi trường và bảo vệ môi trường	K1	IT2.5
1.5.3.1	<i>Hiểu được các kiến thức cơ bản về môi trường và tài nguyên; giải thích được một số dạng ô nhiễm các thành phần môi trường và vấn đề biến đổi khí hậu; hiểu được mối quan hệ giữa dân số với các áp lực tài nguyên và môi trường, biết được các giải pháp về mặt chiến lược, quản lý và kỹ thuật đối với nhiệm vụ bảo vệ tài nguyên và môi trường.</i>		2.5
1.5.3.2	<i>Nhận thức được vai trò của bản thân và có thái độ ứng xử đúng đắn trong vấn đề bảo vệ môi trường và sử dụng tài nguyên hợp lý.</i>		2.5
1.5.4	Nguyên lý kế toán	K1	IT2
1.5.4.1	<i>Có khả năng hiểu và nắm được các kiến thức cơ bản về kế toán trong doanh nghiệp</i>		2
1.5.4.2	<i>Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để làm các công việc kế toán đơn giản, các định khoản đơn giản, lập báo cáo tài chính</i>		2
1.5.5	Kinh tế công cộng	K1	IT2.5
1.5.5.1	<i>Có kiến thức cơ bản về vị trí, vai trò của chính phủ song song với các lý thuyết về phân phối nguồn lực một cách hiệu quả.</i>		2.5
1.5.5.2	<i>Hiểu được các dạng thất bại thị trường bao gồm thất bại về tính hiệu quả trong sử dụng nguồn lực, thất bại về phân phối thu nhập, sự bất ổn mang tính chất chu kỳ của nền kinh tế cũng như vấn đề ra quyết định trong khu vực công cộng. đến tác động của các chính sách của chính phủ trong việc khắc phục khuyết tật của nền kinh tế nhằm hướng nền kinh tế về trạng thái như mong muốn.</i>		2.5
1.5.6	Văn hóa doanh nghiệp	K1	IT2.5
1.5.6.1	<i>Giới thiệu những kiến thức tổng quát về văn hóa doanh nghiệp; các loại hình văn hóa doanh nghiệp; một số vấn đề về đạo đức kinh doanh</i>		2.5
1.5.6.2	<i>Hiểu những nội dung cơ bản về văn hóa doanh nhân và xây dựng văn hóa doanh nghiệp.</i>		2.5

1.5.7	Kỹ năng mềm 1	K1	IT2.5
1.5.7.1	<i>Có kỹ năng cơ bản để thực hiện hoạt động giao tiếp, hình thành kỹ năng ứng xử một cách linh hoạt, tạo tự tin khi giao tiếp</i>		2.5
1.5.7.2	<i>Hoàn thiện kỹ năng thuyết trình của bản thân, cung cấp các phương pháp luyện tập hữu ích để thuyết trình thành công</i>		2.5
1.5.8	Công trình cảng	K1	IT2.5
1.5.8.1	<i>kiến thức về thiết kế quy hoạch cũng như cấu tạo của các cảng biển và cảng sông.</i>		2.5
1.5.7.2	<i>các yếu tố ảnh hưởng đến thiết kế quy cảng; Khu đất và khu nước của cảng; Cơ giới hóa công tác xếp dỡ ở cảng; Kho bãi ; Giao thông trong và ngoài cảng; Tổng bình đồ cảng; Những khái niệm chung về công trình bến; Tải trọng tác động lên công trình bến; Các loại công trình bến và thiết bị phụ trợ.</i>		2.5
1.5.9	Pháp luật kinh doanh quốc tế	K1	IT3
1.5.9.1	<i>Có kiến thức về luật thương mại trong môi trường kinh doanh quốc tế, cụ thể là vấn đề pháp luật kinh doanh quốc tế trong đó có nghiên cứu tổng quan về các hệ thống pháp luật trên thế giới.</i>		3
1.5.9.2	<i>Biết sâu hơn về nền tảng pháp lý của hợp đồng kinh doanh quốc tế, đồng thời giới thiệu cho sinh viên về vấn đề giải quyết tranh chấp trong kinh doanh quốc tế thông qua hình thức thương lượng hoặc các cơ quan tài phán trong nước và quốc tế.</i>		3
1.5.10	Thương mại điện tử	K1	IT3
1.5.10.1	<i>Biết các khái niệm, thuật ngữ, hệ thống các chỉ tiêu phân tích đánh giá hiệu quả, tình hình thực tiễn, xu hướng phát triển... của hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam cũng như trên thế giới.</i>		3
1.5.10.2	<i>Vận dụng kiến thức cần thiết liên quan tới Marketing điện tử; nghiên cứu các ứng dụng của thương mại điện tử; tìm hiểu những vấn đề về cơ sở vật chất kỹ thuật và pháp lý về thương mại điện tử.</i>		3
1.5.11	Pháp luật kinh tế	K1	IT3
1.5.11.1	<i>Biết kiến thức cơ bản về pháp luật trong kinh doanh thương mại.</i>		3

1.5.11.2	<i>Có khả năng vận dụng kiến thức để giải thích những vấn đề pháp lý trong thực tiễn, có khả năng lựa chọn, thành lập, quản trị doanh nghiệp, đàm phán ký kết hợp đồng thương mại cũng như vận dụng pháp luật để giải quyết các tranh chấp trong kinh doanh thương mại.</i>		3
1.5.12	Đại cương hàng hải	K1	IT2.5
1.5.12.1	<i>Biết nguyên lý cơ bản về hàng hải cách xác định phương hướng, hoạt động của các trang thiết bị máy điện, luật giao thông...</i>		2.5
1.5.12.2	<i>Vận dụng phương pháp hàng hải trên biển, cách tính và lập tuyến đường hàng hải, nguyên lý hoạt động và khai thác hiệu quả các trang thiết bị phụ trợ hàng hải, luật giao thông và công tác tìm kiếm cứu nạn trên biển, phương pháp vận chuyển, bảo quản các loại hàng hóa bằng phương thức vận tải đường biển và các công ước quốc tế về hàng hải.</i>		2.5
1.5.13	Kế toán doanh nghiệp	K1	IT3
1.5.13.1	<i>Tổ chức công tác thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin về hoạt động SXKD, tình hình tài chính của doanh nghiệp cho các cơ quan chức năng, các tổ chức, các cá nhân có liên quan đến trách nhiệm và quyền lợi của doanh nghiệp.</i>		3
1.5.13.2	<i>Thực hành kế toán chi tiết và kế toán tổng hợp các phần hành Kế toán vốn bằng tiền, Kế toán hàng tồn kho, Kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp. Biết lập chứng từ, luân chuyển chứng từ, định khoản vào các sổ sách kế toán liên quan tới nghiệp vụ cụ thể trong doanh nghiệp với các phần hành kế toán ở trên.</i>		3
1.5.14	Quản trị doanh nghiệp	K1	IT3
1.5.14.1	<i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về phương pháp quản lý của nhà quản trị và các nghiệp vụ quản trị doanh nghiệp như: hoạch định, nhân sự, chi phí và kết quả, kiểm soát.</i>		3
1.5.14.2	<i>Có khả năng xác định đúng mức độ quan trọng của các phương pháp quản lý ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh để mang lại thành công cho doanh nghiệp.</i>		3

1.5.15	Thị trường chứng khoán	K1	IT3
1.5.15.1	Có khả năng hiểu được tổng quan về thị trường chứng khoán thế giới cũng như của Việt Nam		3
1.5.15.2	Có khả năng hiểu cách tính cũng như ý nghĩa của các chỉ số: thu nhập một cổ phiếu thường, hệ số P/E, giá trị sổ sách một cổ phiếu thường...		3
1.5.15.3	Có khả năng hiểu và vận dụng các kiến thức đã học để giao dịch chứng khoán		3
1.5.16	Nghiep vụ kho hàng	K1	IT3
1.5.16.1	Có khả năng hiểu khái niệm cơ bản nhất về kho, phương pháp lưu trữ, bảo quản hàng, quy trình nghiệp vụ xuất, nhập hàng qua kho, quản lý tồn kho		3
1.5.16.2	vận dụng được nguyên lý vận hành và các quy tắc bảo đảm an toàn khi sử dụng các trang thiết bị xếp dỡ, vận chuyển hàng trong kho.		3
1.5.17	Kỹ năng mềm 2	K1	TU3
1.5.17.1	Kỹ năng lập hồ sơ và phỏng vấn tuyển dụng, kỹ năng làm việc hiệu quả.		3
1.5.17.2	Các kỹ năng cần thiết để thành công trong quá trình phỏng vấn tuyển dụng và đạt hiệu quả cao trong công việc.		3
1.5.18	Kinh tế phát triển	K1	IT2.5
1.5.18.1	Những vấn đề liên quan đến kinh tế phát triển bao gồm: đặc trưng của các nước đang phát triển, các phương pháp đánh giá sự phát triển kinh tế ở mỗi quốc gia cả về mặt lượng cũng như mặt chất, các nguồn lực của quá trình phát triển kinh tế và vai trò của các nguồn lực đó đối với sự phát triển kinh tế của mỗi quốc gia.		2.5
1.5.18.2	Sử dụng được những học thuyết, mô hình kinh tế để lý giải sự biến động của hệ thống kinh tế của mỗi quốc gia như là sự tăng trưởng kinh tế hay sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế.		2.5
1.5.19	Toán kinh tế	K1	IT3
1.5.19.1	Phân tích xây dựng những mô hình toán học được sử dụng để giải quyết nhiều bài toán thực tế, chẳng hạn như bài toán phân phối luồng hàng và quy hoạch tuyến đường vận chuyển tối ưu,		3

	<i>bài toán về lập kế hoạch tác nghiệp xếp dỡ ở cảng, lập kế hoạch phân bổ tàu trên các tuyến tàu chợ, điều tàu thực hiện các chuyến đi của tàu chuyển, phân công lao động theo các vị trí công tác khác nhau...</i>		
1.5.19.2	<i>Có khả năng xây dựng, lập kế hoạch và tổ chức sản xuất dựa trên các mô hình toán tối ưu một cách hiệu quả</i>		3
1.5.20	Marketing logistics	K1	IT2.5
1.5.20.1	<i>Hiểu được tổng quan, hệ thống thông tin marketing, môi trường marketing, chiến lược marketing</i>		2.5
1.5.20.2	<i>Có khả năng áp dụng chiến lược marketing để cạnh tranh trong chuỗi cung ứng</i>		2.5
1.5.21	Quản trị dự án	K1	IT2.5
1.5.21.1	<i>Có những kiến thức về dự án đầu tư, nội dung và trình tự lập dự án, phân tích tài chính, kinh tế xã hội của dự án, quản lý dự án, thẩm định dự án đầu tư.</i>		2.5
1.5.21.2	<i>Vận dụng hiểu biết của mình về dự án để lập các dự án đầu tư trong thực tiễn.</i>		2.5
2	KỸ NĂNG CÁ NHÂN		
2.1	Lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề		
2.1.1	Xác định và nêu vấn đề	S1	U3.5
2.1.1.1	<i>Phân tích được dữ liệu và các hiện tượng</i>		3.5
2.1.1.2	<i>Phân tích các giả định và những nguồn định kiến</i>		3.5
2.1.2	Ước lượng và phân tích định tính, phân tích các yếu tố bất định	S1	U3.5
2.1.2.1	<i>Hiểu và phân tích các biên độ, giới hạn và khuynh hướng</i>		3.5
2.1.2.2	<i>Phân tích các giới hạn và dự phòng</i>		3.5
2.1.3	Các giải pháp và khuyến nghị	S1	U3.5
2.1.3.1	<i>Chọn các kết quả quan trọng của các giải pháp và kiểm tra dữ liệu</i>		3.5
2.1.3.2	<i>Phát hiện các khác biệt trong các kết quả</i>		3.5
2.2	Tư duy tầm hệ thống		
2.2.1	Tư duy toàn cục	S3	U3.5
2.2.1.1	<i>Hiểu hệ thống, chức năng và sự vận hành, và các thành phần</i>		3.5
2.2.2	Sắp xếp trình tự ưu tiên và tập trung	S3	U3.5

2.2.2.1	Phát hiện tất cả các nhân tố liên quan đến toàn hệ thống		3.5
2.2.2.2	Phát hiện các nhân tố chính yếu từ trong hệ thống		3.5
2.4	Thái độ, tư tưởng và học tập		
2.4.1	Kiên trì, sẵn sàng và quyết tâm, tháo vát và linh hoạt	S1	U3.5
2.4.1.1	Xác định ý thức trách nhiệm về kết quả		3.5
2.4.1.2	Cho thấy sự tự tin, lòng can đảm, và niềm đam mê		3.5
2.4.1.3	Cho thấy Sự quyết tâm hoàn thành mục tiêu		3.5
2.4.2	Tư duy suy xét	S1	T3.0
2.4.2.1	Giải thích mục đích, nêu vấn đề hoặc sự kiện		3.0
2.4.2.2	Áp dụng những lập luận lô-gic (và biện chứng) và giải pháp		3.0
2.4.3	Học tập và rèn luyện suốt đời	S1	T2.5
2.4.3.1	Xác định động lực tự rèn luyện thường xuyên		2.5
2.4.3.2	Xây dựng các kỹ năng tự rèn luyện		2.5
2.5	Đạo đức, công bằng và các trách nhiệm khác		
2.5.1	Đạo đức, liêm chính và trách nhiệm xã hội	S2	U3.5
2.5.1.1	Tạo ra các tiêu chuẩn và nguyên tắc về đạo đức của bản thân		3.5
2.5.1.2	Cho thấy tính trung thực		3.5
2.5.2	Hành xử chuyên nghiệp	S2	U3.5
2.5.2.1	Cho thấy phong cách chuyên nghiệp		3.5
3	KỸ NĂNG GIAO TIẾP: LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP		
3.1	Làm việc nhóm		
3.1.1	Tổ chức nhóm hiệu quả	C1	U3.5
3.1.1.1	Xác định vai trò và trách nhiệm của nhóm		3.5
3.1.1.2	Đánh giá các điểm mạnh và điểm yếu của nhóm và các thành viên		3.5
3.1.2	Hoạt động nhóm	S4,C1	U3.5
3.1.2.1	Xác định các mục tiêu và công việc cần làm		3.5
3.1.2.2	Vận dụng hoạch định và tạo điều kiện cho các cuộc họp có hiệu quả		3.5
3.1.2.3	Vận dụng giao tiếp hiệu quả (lắng nghe, hợp tác, cung cấp và đạt được thông tin một cách chủ động)		3.5
3.1.2.4	Cho thấy khả năng phản hồi tích cực và hiệu quả		3.5

3.2	Giao tiếp		
3.2.1	Giao tiếp bằng văn bản	S5	U3.5
3.2.1.1	<i>Cho thấy khả năng viết mạch lạc và trôi chảy</i>		3.5
3.2.1.2	<i>Cho thấy khả năng viết đúng chính tả, chấm câu, và ngữ pháp</i>		3.5
3.2.1.3	<i>Cho thấy khả năng định dạng văn bản, sử dụng thành thạo các chức năng cơ bản của MS Word</i>		3.5
3.2.2	Giao tiếp điện tử/ đa truyền thông	S5	U3.5
3.2.2.1	<i>Cho thấy khả năng chuẩn bị bài thuyết trình điện tử</i>		3.5
3.2.2.2	<i>Cho thấy khả năng sử dụng thư điện tử, lời nhắn, và hội thảo qua video</i>		3.5
3.3	Giao tiếp bằng ngoại ngữ (ngoài yêu cầu chung về TOEIC 450, sinh viên cần có)		
3.3.1	Kỹ năng nghe	S6	U3.5
3.3.1	<i>Có thể hiểu rõ ràng về một vấn đề quen thuộc, thường xuyên gặp phải trong công việc, học tập... có thể hiểu được những điểm chính liên quan đến nghề nghiệp khi chúng được trình bày tương đối chậm và rõ ràng</i>		3.5
3.3.2	Kỹ năng đọc	S6	U3.5
3.3.2.1	<i>Có thể hiểu được các văn bản liên quan đến công việc;</i>		3.5
3.3.3	Kỹ năng nói	S6	U3.5
3.3.3.1	<i>Có thể trao đổi trực tiếp và ngắn gọn thông tin về những đề tài và các hoạt động quen thuộc, những công việc đơn giản thường gặp;</i>		3.5
3.3.4	Kỹ năng viết	S6	U3.5
3.3.4.1	<i>Có thể viết mạch lạc những vấn đề trong hợp đồng thuê tàu, chuyên ngành vận tải biển</i>		3.5
4	NĂNG LỰC THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP TRONG NGÀNH KINH TẾ VẬN TẢI BIỂN		
4.1	Nhận thức về bối cảnh bên ngoài, xã hội và môi trường hàng hải toàn cầu		
4.1.1	Vai trò và trách nhiệm của người cử nhân kinh tế vận tải biển	S2, C2	T3.0
4.1.1.1	<i>Xác định các mục tiêu và vai trò của ngành nghề</i>		3.0

4.1.1.2	Xác định các trách nhiệm của cử nhân đối với xã hội và một tương lai bền vững		3.0
4.1.2	Bối cảnh lịch sử và văn hóa của kinh tế hàng hải trên phạm vi toàn cầu	S2	T3.0
4.1.2.1	Phân biệt được bản chất đa dạng và lịch sử của xã hội loài người cũng như các truyền thống ngành hàng hải		3.0
4.1.2.2	Xác định sự quốc tế hóa của hoạt động con người		3.0
4.1.3	Phát triển quan điểm kinh tế hàng hải toàn cầu	S2	U3.5
4.1.3.1	Xác định vận tải biển mang tính chất toàn cầu, chịu nhiều ảnh hưởng		3.5
4.2	Nhận thức về bối cảnh doanh nghiệp và kinh doanh trong ngành vận tải biển		
4.2.1	Tôn trọng các nền văn hóa doanh nghiệp khác nhau	S1	U3.5
4.2.1.1	Xác định sự khác biệt về quy trình, văn hóa, và thước đo thành công trong các nền văn hóa doanh nghiệp khác nhau		3.5
4.2.2	Các bên liên quan	S1	U3.5
4.2.2.1	Xác định nghĩa vụ của các bên liên quan		3.5
4.2.2.2	Phân biệt các bên liên quan và các bên thụ hưởng (chủ sở hữu, nhân viên, khách hàng, v.v.)		3.5

Thang trình độ năng lực và phân loại học tập

Thang TDNL	PHÂN LOẠI HỌC TẬP		
	Lĩnh vực Kiến thức (Bloom, 1956)	Lĩnh vực Thái độ (Krathwohl, Bloom, Masia, 1973)	Lĩnh vực Kỹ năng (Simpson, 1972)
1. Có biết hoặc trải qua			1. Khả năng Nhận thức 2. Khả năng Thiết lập
2. Có thể tham gia vào và đóng góp cho	1. Khả năng Nhớ	1. Khả năng Tiếp nhận hiện tượng	3. Khả năng Làm theo hướng dẫn
3.	2. Khả năng Hiểu	2. Khả năng Phản hồi hiện tượng	4. Thuần thực

Có thể hiểu và giải thích			
4. Có kỹ năng thực hành hoặc triển khai trong	3. Khả năng Áp dụng 4. Khả năng Phân tích	3. Khả năng Đánh giá	5. Thành thạo kỹ năng phức tạp 6. Khả năng Thích ứng
5. Có thể dẫn dắt hoặc sáng tạo trong	5. Khả năng Tổng hợp 6. Khả năng Đánh giá	4. Khả năng Tổ chức 5. Khả năng Hành xử	7. Khả năng Sáng chế

1.7. Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp

Với mục tiêu đào tạo những nhà quản lý tương lai chương trình Kinh tế vận tải biển trang bị cho sinh viên khả năng vận dụng các kiến thức, kỹ năng và năng lực để tham gia quản lý nhà nước về vận tải biển, quản lý các doanh nghiệp vận tải biển và các doanh nghiệp cảng biển trong nước và nước ngoài, có khả năng định hướng phát triển doanh nghiệp trong từng thời điểm – giai đoạn thích hợp.

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có đủ năng lực cạnh tranh và thích ứng nhanh với nền kinh tế toàn cầu.

Sinh viên có khả năng giao tiếp ngoại ngữ bằng tiếng Anh đặc biệt trong ngành Kinh tế vận tải biển với mục đích làm việc trong môi trường quốc tế.

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc tại vị trí Chuyên viên của phòng ban chức năng như Phòng kinh doanh, Phòng kế hoạch, Phòng Marketing, Phòng tổ chức, Phòng hỗ trợ - giao dịch khách hàng, Phòng khai thác hoặc Trợ lý cho nhà quản lý các cấp trong bộ máy quản lý về vận tải biển. Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể đảm nhận các công việc tại:

- Các cơ quan quản lý nhà nước về vận tải biển;
- Các doanh nghiệp vận tải biển;
- Các doanh nghiệp cảng biển;

- Các công ty cung cấp dịch vụ logistics;
- Các công ty giao nhận, đại lý, môi giới tàu biển.

Khả năng thăng tiến trong công việc:

- Sinh viên có khả năng nhận được việc làm thêm ngay trong quá trình học.
- Sinh viên có thể đi làm ngay sau khi tốt nghiệp tại các doanh nghiệp Việt Nam và Quốc tế
- Khả năng gia tăng thu nhập và lương.
- Cơ hội tham dự và nhận học bổng từ các chương trình học tập sau đại học tại Việt Nam và Quốc tế.

1.8. Tiêu chuẩn nhập học, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

1.8.1. Tiêu chuẩn nhập học

1. Trường Đại học Hàng hải Việt Nam tuyển sinh đại học theo đề án tuyển sinh được Hội đồng trường thông qua và công khai hàng năm. Đề án tuyển sinh của Nhà trường tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

2. Các thí sinh đăng ký xét tuyển theo các phương thức xét tuyển khác nhau phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu của từng phương thức xét tuyển, thực hiện đăng ký đúng theo đề án tuyển sinh và thông báo tuyển sinh của Nhà trường. Sau thời hạn nộp hồ sơ đăng ký, Nhà trường sẽ xét tuyển và công bố kết quả xét tuyển.

3. Thí sinh trúng tuyển nhập học theo các quy định, hướng dẫn của Nhà trường và của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Sau khi hoàn thành thủ tục nhập học, các sinh viên sẽ được đào tạo theo chương trình đào tạo của Nhà trường.

1.8.2. Quy trình đào tạo

Nhà trường tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ tuân thủ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học. Hoạt động đào tạo được tổ chức như sau:

- Một năm học gồm 03 học kỳ: học kỳ I, II và học kỳ phụ ngoài thời gian nghỉ hè.
- Học kỳ phụ có 6 - 7 tuần bao gồm cả thời gian học và thi, dành cho sinh viên học lại, học chậm tiến độ, học cải thiện điểm trên cơ sở tự nguyện, không bắt buộc và không miễn giảm học phí. Các học phần thực tập cũng được bố trí trong học kỳ phụ.
- Học kỳ I và II có nhiều nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi là các học kỳ bắt buộc sinh viên phải đăng ký khối lượng học tập và được miễn giảm học phí theo quy định.

- Trong thời gian nghỉ hè (06 tuần), Nhà trường có thể bố trí các học phần thực tập giữa khóa, thực tập tốt nghiệp và các trường hợp đặc biệt khác.

- Thời khóa biểu của các lớp học phần được bố trí đều trong các tuần của học kỳ. Trong trường hợp cần thiết phải xếp lịch học tập trung thời gian, số giờ giảng với một học phần bất kỳ không vượt quá 15 giờ/tuần và 4 giờ/ngày.

Trước khi các học kỳ bắt đầu, sinh viên đăng ký học phần học tập của từng kỳ, đóng học phí. Mỗi sinh viên sẽ có một thời khóa biểu riêng tùy thuộc vào kết quả đăng ký học phần. Sinh viên đi học theo thời khóa biểu đã đăng ký và thực hiện hoạt động học tập theo hướng dẫn của giảng viên. Trong quá trình học tập và kỳ thi cuối kỳ, giảng viên sẽ đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Kết quả học tập từng học phần của sinh viên được nhập vào phần mềm quản lý đào tạo và công bố cho sinh viên tra cứu trên website của Trường. Khi sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo thì Nhà trường sẽ tổ chức xét và công nhận tốt nghiệp cho sinh viên.

1.8.3. Điều kiện tốt nghiệp

Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được xét và công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

b) Tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình đào tạo chuyên ngành.

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên.

d) Đạt các học phần hoặc có chứng chỉ GDQP-AN và GDTC.

e) Đạt các điều kiện của chuẩn đầu ra về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học và điểm rèn luyện.

g) Có đơn gửi Khoa/Viện đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khóa học.

1.9. Các chiến lược dạy - học và phương pháp đánh giá

1.9.1. Các chiến lược dạy - học

Chiến lược dạy và học của Nhà trường bám sát triết lý giáo dục: “Trí tuệ - Sáng tạo - Trách nhiệm - Nhân văn”. Nhà trường khuyến khích giảng viên phát huy tiềm năng trí tuệ, không ngừng đổi mới sáng tạo, nâng cao ý thức trách nhiệm và đề cao giá trị nhân văn trong tổ chức và triển khai các hoạt động dạy - học nhằm mục tiêu đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao. Cụ thể, thực hiện các chiến lược dạy - học sau:

- Thực hiện đào tạo tích hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ; học tập kết hợp với trải nghiệm trong chương trình đào tạo;

- Áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, học tập chủ động;

- Lượng hóa đánh giá kết quả học tập đáp ứng chuẩn đầu ra.

1.9.2. Các phương pháp đánh giá kết quả học tập

a. Thành phần điểm đánh giá học phần:

- Điểm đánh giá học phần gồm các thành phần sau:

Z: điểm đánh giá học phần;

X: điểm đánh giá trong quá trình học tập. Cách đánh giá điểm X do các bộ môn tự thống nhất.

Y: điểm thi, đánh giá kết thúc học phần. Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

- Các thành phần điểm đánh giá học phần được thể hiện trong đề cương học phần và được công bố cho người học trong buổi đầu tiên khi thực hiện giảng dạy học phần.

- Đối với các học phần GDQP-AN, GDTC, chỉ đánh giá theo mức **Đạt** và **Không đạt** và không được tính vào điểm tích lũy. *Lưu ý: để được đánh giá Đạt các học phần GDQP-AN, sinh viên phải tham dự ít nhất 80% thời gian theo kế hoạch học tập và kết quả đánh giá học phần theo thang điểm 10 phải từ 5,0 trở lên.*

- Các phương pháp đánh giá học phần: tùy theo nội dung học tập, kết quả học tập mong đợi của học phần mà giảng viên thiết kế các phương án đánh giá học phần khác nhau. Việc đánh giá kiến thức có thể thực hiện qua các bài kiểm tra viết, vấn đáp, trắc nghiệm ... Thông qua quan sát, theo dõi việc thực hiện qua các bài thực hành, triển khai các hoạt động học tập, nghiên cứu của sinh viên, các bài viết liên hệ thực tiễn ... giảng viên đánh giá kỹ năng, thái độ người học.

b. Công thức tính điểm đánh giá học phần

b.1. Đối với các học phần loại I

$$Z = 0,5X + 0,5Y$$

Để được dự thi kết thúc học phần, sinh viên phải đảm bảo tham dự ít nhất 75% thời gian theo kế hoạch học tập và tất cả các điểm thành phần $X_i \geq 4$. Trường hợp không đủ điều kiện dự thi thì ghi $X = 0$ và $Z = 0$ (không đủ điều kiện dự thi). Điểm thi kết thúc học phần (Y) phải đảm bảo điều kiện ≥ 4 . Trường hợp $Y < 4$ thì $Z = 0$. Điểm X, Y, Z được lấy theo thang điểm 10, làm tròn đến 1 chữ số sau dấu phẩy.

b.2. Đối với các học phần loại II

$$Z = Y$$

Điểm thi kết thúc học phần (Y) phải đảm bảo điều kiện ≥ 4 .

Trường hợp $Y < 4$ thì $Z = 0$. Điểm Y, Z được lấy theo thang điểm 10, làm tròn đến 1 chữ số sau dấu phẩy.

b.3. Đối với các học phần loại III

$$Z = X$$

Sinh viên phải đảm bảo tham dự ít nhất 75% thời gian theo kế hoạch học tập và tất cả các điểm thành phần $X_i \geq 4$.

c. Quy trình cho điểm X, Y, Z:

c.1. Giảng viên có trách nhiệm tính điểm X và thông báo công khai trong buổi học cuối cùng của học phần cho sinh viên. Sinh viên có thể truy cập vào website của Nhà trường để biết kết quả học tập của sinh viên.

c.2. Nhập kết quả đánh giá học phần vào phần mềm quản lý đào tạo

d. Thang điểm

Sử dụng thang điểm 10, thang điểm chữ (A, A+, B, B+, C, C+, D, D+, F) và thang điểm 4 để đánh giá kết quả học tập của từng học phần, kết quả học tập hàng kỳ, kết quả học tập tích lũy theo khóa học của sinh viên. Qui đổi điểm giữa các thang điểm thực hiện theo bảng sau:

	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt	9,0 ÷ 10,0	A+	4,0
	8,5 ÷ 8,9	A	4,0
	8,0 ÷ 8,4	B+	3,5
	7,0 ÷ 7,9	B	3,0
	6,5 ÷ 6,9	C+	2,5
	5,5 ÷ 6,4	C	2,0
	5,0 ÷ 5,4	D+	1,5
	4,0 ÷ 4,9	D	1,0
Không đạt	0 ÷ 3,9	F	0

2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

2.1. Cấu trúc chương trình và phân nhiệm kết quả học tập mong đợi về kiến thức

Khối lượng kiến thức, kỹ năng, năng lực toàn khóa: 132 TC

(Không tính các học phần GDTC và GDQP-AN)

a. Khối kiến thức, kỹ năng cơ bản (không tính ngoại ngữ, tin học) : 15 TC.

b. Khối kiến thức, kỹ năng cơ sở: 55 TC.

c. Khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành: 38 TC.

d. Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn: 25/52 TC.

Cấu trúc chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Tên HP	Số TC	Đáp ứng CĐR	TĐNL	Học Kỳ	HP học trước
I. KHỐI KIẾN THỨC KHÔNG TÍCH LŨY			12				
I.1. Giáo dục thể chất (không tích lũy)			4				
I.2. Giáo dục quốc phòng (không tích lũy)			8				
KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CƠ BẢN			15				
1	18125H	Toán chuyên đề kinh tế	3	1.1.1	IT3.5	1	
2	19106H	Nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	2	1.2.1	IT3.5	1	
3	19109H	Nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	3	1.2.2	IT3.5	2	19106H
4	19201H	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1.2.3	IT3.5	2	19106H
5	11401H	Pháp luật đại cương	2	1.2.4	IT3	3	
6	19301H	Đường lối cách mạng ĐCSVN	3	1.2.5	IT3.5	3	19201H
KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CƠ SỞ			55				
7	15115H	Giới thiệu ngành kinh tế	2	1.3.1	IT2	1	
8	15101H	Kinh tế vi mô	3	1.3.2	IT2	2	
9	28301H	Tài chính tiền tệ	3	1.3.3	IT2	3	
10	15102H	Kinh tế vĩ mô	3	1.3.4	IT2	3	15101H
11	15117H	Nguyên lý thống kê	3	1.3.5	IT2	3	
12	28307H	Thuế vụ	2	1.3.6	IT2	3	
13	15105H	Kinh tế lượng	2	1.3.7	IT3	4	18125H
14	15815H	Logistics và vận tải đa phương thức	3	1.3.8	IT2.5	4	
15	15635H	Giao dịch thương mại quốc tế	3	1.3.9	IT2.5	4	
16	15381H	Thực tập cơ sở ngành KTB	2	1.3.10	TU2.5	5	
17	15610H	Nghiệp vụ hải quan	2	1.3.11	IT3	5	
18	23127H	Lý thuyết & kết cấu tàu thủy	2	1.3.12	IT3	5	
19	22347H	Máy nâng chuyển	2	1.3.13	IT3	5	
20	15131H	Phân tích hoạt động KT	3	1.3.14	IT3.5	7	
21	15811H	Quản trị chiến lược chuỗi cung ứng	2	1.3.15	IT3	7	15815H
22	25101H	Anh văn cơ bản 1	5	1.3.16	IT2	1	
23	25102H	Anh văn cơ bản 2	5	1.3.17	IT2.5	1	

24	25103H	Anh văn cơ bản 3	5	1.3.18	TU3	2	
25	25103H	Anh văn cơ bản 4	3	1.3.19	TU3.5	2	
KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CHUYÊN NGÀNH			38				
26	15301H	Địa lý vận tải	2	1.4.1	IT3	4	
27	15326E	Shipping Economics	3	1.4.2	IT3.5	4	
28	15305E	Port Economics	2	1.4.3	IT3	5	
29	15322H	Luật vận tải biển	3	1.4.4	TU3.5	5	
30	15329H	Đại lý tàu & Giao nhận hàng hóa	3	1.4.5	TU3.5	6	
31	15327H	Quản lý tàu	3	1.4.6	IT3	6	
32	15386E	Port Planning and Operations	5	1.4.7	TU3.5	6	15326E
33	15388E	Ship Operations	5	1.4.8	TU4	7	15327H
34	15308H	Bảo hiểm hàng hải	2	1.4.9	IT3	7	
35	15382H	Thực tập chuyên ngành KTB	4	1.4.10	U3.5	8	
36	15383H	Thực tập & báo cáo tốt nghiệp	6	1.4.11	U4	8	
KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG TỰ CHỌN			25/52				
37	17102H	Tin học văn phòng	3	1.5.1	IT3	2	
38	15640H	Quan hệ kinh tế quốc tế	3	1.5.2	IT3	2	
39	12501H	Môi trường và bảo vệ môi trường	2	1.5.3	IT2.5	1	
40	15103H	Kinh tế công cộng	3	1.5.4	IT2.5	3	
41	28239H	Văn hóa doanh nghiệp	3	1.5.5	IT2.5	3	
42	29101H	Kỹ năng mềm 1	2	1.5.6	IT2.5	1	
43	28108H	Nguyên lý kế toán	3	1.5.7	IT2	3	28301H
44	16234H	Công trình cảng	2	1.5.8	IT2.5	4	
45	15631H	Pháp luật kinh doanh quốc tế	3	1.5.9	IT3	4	
46	15618H	Thương mại điện tử	2	1.5.10	IT3	4	
47	11469H	Pháp luật kinh tế	2	1.5.11	IT3	4	
48	11110H	Đại cương hàng hải	2	1.5.12	IT2.5	5	
49	28109H	Kế toán doanh nghiệp	2	1.5.13	IT3	5	
50	28202H	Quản trị doanh nghiệp	3	1.5.14	IT3	5	
51	28103H	Thị trường chứng khoán	2	1.5.15	IT3	6	15102H
52	30101H	Nghiệp vụ kho hàng	2	1.5.16	IT3	6	
53	29102H	Kỹ năng mềm 2	2	1.5.17	TU3	6	
54	15113H	Kinh tế phát triển	2	1.5.18	IT2.5	6	

55	15801H	Toán kinh tế	3	1.5.19	IT3	7	18125H
56	15213H	Marketing logistics	3	1.5.20	IT2.5	7	
57	28217H	Quản trị dự án	3	1.5.21	IT2.5	7	15102H
KHỐI KIẾN THỨC TỐT NGHIỆP			6/12				
58	15384H	Khóa luận tốt nghiệp	6	1.4.11.1	U3.5	8	15388H, 15386H
59	15361H	Kinh doanh vận tải biển	3	1.4.11.1	U3.5	8	15388H
60	15362H	Kinh doanh cảng biển	3	1.4.11.1	U3.5	8	15386H

2.2. Ma trận phân nhiệm kết quả học tập mong đợi về kỹ năng, thái độ

Ma trận các học phần và kỹ năng, thái độ

HK	Mã HP	MÔN HỌC	Số TC	Nhóm CDR 2										Nhóm CDR 3								Nhóm CDR 4						
				2.1					2.2		2.4			2.5		3.1		3.2		3.3				4.1			4.2	
				21.1	21.2	21.3	21.4	21.5	22.1	22.2	24.1	24.2	24.3	25.1	25.2	31.1	31.2	32.1	32.2	33.1	33.2	33.3	33.4	41.1	41.2	41.3	42.1	42.2
1	25101H	Anh văn cơ bản 1	5																									
	25102H	Anh văn cơ bản 2	5																									
	19106H	Nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	2																									
	15115H	Giới thiệu ngành kinh tế	2	I	IT2	I			I	I	IT2	I	I	IT2	I	I	I			I	I	I	I	IT2	I	I	I	I
	18125H	Toán chuyên đề kinh tế	3																									
	12501H	Môi trường và bảo vệ môi trường	2																									
	29101H	Kỹ năng mềm 1	2																									
2	25103H	Anh văn cơ bản 3	5																									
	25103H	Anh văn cơ bản 4	3																									
	15101H	Kinh tế vi mô	3	IT2			IT2	IT2										IT2	IT2									
	19109H	Nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	3																									
	19201H	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2																									
	17102H	Tin học văn phòng	3																									
	15640H	Quan hệ kinh tế quốc tế	3																									
3	19301H	Đường lối cách mạng ĐCSVN	3																									
	28108H	Nguyên lý kế toán	3																									
	28307H	Thuế vụ	2																									
	11401H	Pháp luật đại cương	2																									
	15102H	Kinh tế vĩ mô	3																									
	15103H	Kinh tế công cộng	3																									
	28239H	Văn hóa doanh nghiệp	3																									
4	28301H	Tài chính tiền tệ	3																									
	15117H	Nguyên lý thống kê	3																									
	15301H	Địa lý vận tải	2						T2.5	T2.5	U3.5	T2.5	T2.5	T2.5	T2.5	T2.5	T2.5	T2.5						T2.5	T2.5	T2.5	T2.5	T2.5
	15326E	Shipping Economics	3					T3.0			U3.5	T3.0				T3.0	T3.0									T3.0		
	15815H	Logistics và vận tải ĐPT	3																									
	15635H	Giao dịch thương mại quốc tế	3																									
	15105H	Kinh tế lượng	3																									
5	16234H	Công trình cảng	2																									
	15631H	Pháp luật kinh doanh quốc tế	3																									
	15618H	Thương mại điện tử	2																									
	11469H	Pháp luật kinh tế	2																									
	15322H	Luật vận tải biển	3								U3.5			U3.5	U3.5			U3.5	U3.5							U2.5	U2.5	
	15305E	Port Economics	2					T3.0			U3.5	T3.0				T3.0	T3.0									T3.0		
	15610H	Nghiệp vụ hải quan	2																									
6	23127H	Lý thuyết & kết cấu tàu thủy	2																									
	22347H	Máy nâng chuyển	2																									
	15381H	Thực tập cơ sở ngành KTB	2								U3.5													T3.0	T3.0	U3.0	U3.0	U3.0
	11110H	Đại cương hàng hải	2																									
	28109H	Kế toán doanh nghiệp	2																									
	28202H	Quản trị doanh nghiệp	3																									
	15386E	Port Planning and Operations	5		U3.5		U3.5				U3.5					U3.5	U3.5				U3.5	U3.5	U3.5				U3.0	U3.0
7	15329H	Đại lý tàu & Giao nhận hàng hóa	3																	U3.5	U3.5	U3.5					U3.0	U3.0
	15327H	Quản lý tàu	3	U3.5		U3.5					U3.5					U3.5	U3.5											
	28103H	Thị trường chứng khoán	2																									
	30101H	Nghiệp vụ kho hàng	2																									
	29102H	Kỹ năng mềm 2	2																									
	15113H	Kinh tế phát triển	2																									
	15131H	Phân tích hoạt động kinh tế	3																									
8	15811H	Quản trị chiến lược chuỗi cung ứng	2																									
	15388E	Ship Operations	5						U3.5	U3.5	U3.5								U3.5				U3.5					
	15308H	Bảo hiểm hàng hải	2								U3.5				U3.5	U3.5			U3.5	U3.5							U3.0	U3.0
	15801H	Toán kinh tế	3																									
	15213H	Marketing logistics	3																									
9	28217H	Quản trị dự án	3																									
	15382H	Thực tập chuyên ngành KTB	4																					U3.0	U3.0	U3.0	U3.0	U3.0
	15383H	Thực tập & báo cáo tốt nghiệp	6																					U4.0	U4.0	U4.0	U4.0	U4.0

Đánh giá năng lực của sinh viên

HK	Mã HP	MÔN HỌC	Số TC	1																2																3																4																5																6																7																8																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
				1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	1.6	1.7	1.8	1.9	1.10	1.11	1.12	1.13	1.14	1.15	1.16	1.17	1.18	1.19	1.20	1.21	1.22	1.23	1.24	1.25	1.26	1.27	1.28	1.29	1.30	1.31	1.32	1.33	1.34	1.35	1.36	1.37	1.38	1.39	1.40	1.41	1.42	1.43	1.44	1.45	1.46	1.47	1.48	1.49	1.50	1.51	1.52	1.53	1.54	1.55	1.56	1.57	1.58	1.59	1.60	1.61	1.62	1.63	1.64	1.65	1.66	1.67	1.68	1.69	1.70	1.71	1.72	1.73	1.74	1.75	1.76	1.77	1.78	1.79	1.80	1.81	1.82	1.83	1.84	1.85	1.86	1.87	1.88	1.89	1.90	1.91	1.92	1.93	1.94	1.95	1.96	1.97	1.98	1.99	2.00	2.01	2.02	2.03	2.04	2.05	2.06	2.07	2.08	2.09	2.10	2.11	2.12	2.13	2.14	2.15	2.16	2.17	2.18	2.19	2.20	2.21	2.22	2.23	2.24	2.25	2.26	2.27	2.28	2.29	2.30	2.31	2.32	2.33	2.34	2.35	2.36	2.37	2.38	2.39	2.40	2.41	2.42	2.43	2.44	2.45	2.46	2.47	2.48	2.49	2.50	2.51	2.52	2.53	2.54	2.55	2.56	2.57	2.58	2.59	2.60	2.61	2.62	2.63	2.64	2.65	2.66	2.67	2.68	2.69	2.70	2.71	2.72	2.73	2.74	2.75	2.76	2.77	2.78	2.79	2.80	2.81	2.82	2.83	2.84	2.85	2.86	2.87	2.88	2.89	2.90	2.91	2.92	2.93	2.94	2.95	2.96	2.97	2.98	2.99	3.00	3.01	3.02	3.03	3.04	3.05	3.06	3.07	3.08	3.09	3.10	3.11	3.12	3.13	3.14	3.15	3.16	3.17	3.18	3.19	3.20	3.21	3.22	3.23	3.24	3.25	3.26	3.27	3.28	3.29	3.30	3.31	3.32	3.33	3.34	3.35	3.36	3.37	3.38	3.39	3.40	3.41	3.42	3.43	3.44	3.45	3.46	3.47	3.48	3.49	3.50	3.51	3.52	3.53	3.54	3.55	3.56	3.57	3.58	3.59	3.60	3.61	3.62	3.63	3.64	3.65	3.66	3.67	3.68	3.69	3.70	3.71	3.72	3.73	3.74	3.75	3.76	3.77	3.78	3.79	3.80	3.81	3.82	3.83	3.84	3.85	3.86	3.87	3.88	3.89	3.90	3.91	3.92	3.93	3.94	3.95	3.96	3.97	3.98	3.99	4.00	4.01	4.02	4.03	4.04	4.05	4.06	4.07	4.08	4.09	4.10	4.11	4.12	4.13	4.14	4.15	4.16	4.17	4.18	4.19	4.20	4.21	4.22	4.23	4.24	4.25	4.26	4.27	4.28	4.29	4.30	4.31	4.32	4.33	4.34	4.35	4.36	4.37	4.38	4.39	4.40	4.41	4.42	4.43	4.44	4.45	4.46	4.47	4.48	4.49	4.50	4.51	4.52	4.53	4.54	4.55	4.56	4.57	4.58	4.59	4.60	4.61	4.62	4.63	4.64	4.65	4.66	4.67	4.68	4.69	4.70	4.71	4.72	4.73	4.74	4.75	4.76	4.77	4.78	4.79	4.80	4.81	4.82	4.83	4.84	4.85	4.86	4.87	4.88	4.89	4.90	4.91	4.92	4.93	4.94	4.95	4.96	4.97	4.98	4.99	5.00	5.01	5.02	5.03	5.04	5.05	5.06	5.07	5.08	5.09	5.10	5.11	5.12	5.13	5.14	5.15	5.16	5.17	5.18	5.19	5.20	5.21	5.22	5.23	5.24	5.25	5.26	5.27	5.28	5.29	5.30	5.31	5.32	5.33	5.34	5.35	5.36	5.37	5.38

2.3. Kế hoạch học tập toàn khóa

Học kỳ I

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			14						
1	25101H	Anh văn cơ bản 1	5	75				I	
2	25102H	Anh văn cơ bản 2	5	75				I	
3	19106H	Nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	2	20	20			I	
4	15115H	Giới thiệu ngành	2	30				I	
Tự chọn									
1	26101H	Môi trường và bảo vệ môi trường	2	30				I	
2	29101H	Kỹ năng mềm 1	2	30				I	

Học kỳ II

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			17						
1	25103H	Anh văn cơ bản 3	5	75				I	
2	25104H	Anh văn cơ bản 4	3	45				I	
3	15101H	Kinh tế vi mô	3	45				I	
4	19109H	Nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	3	45				I	19106H
5	18125H	Toán chuyên đề kinh tế	3	45				I	
Tự chọn									
1	17102H	Tin học văn phòng	3	45				I	
2	15640H	Quan hệ kinh tế quốc tế	3	45				I	

Học kỳ III

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			15						
1	15117H	Nguyên lý thống kê	2	30				I	18125H
2	11401H	Pháp luật đại cương	2	30				I	
3	28108H	Nguyên lý kế toán	3	45				I	
4	19201H	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30				I	19106H
5	15102H	Kinh tế vĩ mô	3	45				I	15101H
6	15635H	Giao dịch thương mại quốc tế	3	45					
Tự chọn									
1	15103H	1. Kinh tế công cộng	3	45				I	
2	28239H	2. Văn hóa doanh nghiệp	3	45				I	
3	28301H	3. Tài chính tiền tệ	3	45				I	

Học kỳ IV

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			16						
1	15301H	Địa lý vận tải	2	30				I	
2	15326E	Kinh tế VC đường biển	3	45				I	
3	15815H	Logistics và vận tải ĐPT	3	45				I	
4	28307H	Thuế vụ	2	30				I	
5	15105H	Kinh tế lượng	3	45				I	18125H
6	19301H	Đường lối cách mạng ĐCSVN	3	45				I	19201H
Tự chọn									
1	16234H	Công trình cảng	2	30				I	

2	15631H	Pháp luật thương mại quốc tế	3	45				I	
3	15618H	Thương mại điện tử	2	30				I	
4	11469H	Pháp luật kinh tế	2	30				I	

Học kỳ V

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			13						
1	15322H	Luật vận tải biển	3	45				I	
2	15305E	Kinh tế cảng	2	30				I	
3	15610H	Nghệp vụ hải quan	2	30				I	
4	23127H	Lý thuyết & kết cấu tàu thủy	2	30				I	
5	22347H	Máy nâng chuyên	2	30				I	
6	15381H	Thực tập cơ sở ngành KTB	2	30				II	
Tự chọn									
1	11110H	Đại cương hàng hải	2	30				I	
2	28109H	Kế toán doanh nghiệp	2	30				I	
3	28202H	Quản trị doanh nghiệp	3	45				I	

Học kỳ VI

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			11						
1	15310E	Quản lý và khai thác cảng	5	45			30	I	15305E
2	15329H	Đại lý tàu và Giao nhận hàng hóa	3	45				I	
3	15327H	Quản lý tàu	3	45				I	
Tự chọn									
1	28103H	Thị trường chứng khoán	2	30				I	15102H

2	30101H	Nghệp vụ kho hàng	2	30				I	
3	29102H	Kỹ năng mềm 2	2	30				I	
4	15113H	Kinh tế phát triển	2	30				I	
5	15811H	Quản lý CL chuỗi cung ứng	2	30				I	

Học kỳ VII

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			12						
1	15303E	Khai thác tàu	5	45			30	I	15327H
2	15308H	Bảo hiểm hàng hải	2	30				I	
3	15131H	Phân tích hoạt động kinh tế	3	45				I	
4	15812H	Thực tập chuyên ngành KTB	2	30				II	15381H
Tự chọn									
1	15205H	Toán kinh tế	3	45				I	18125H
2	15801H	Marketing logistics	3	45				I	
3	28217H	Quản trị dự án	3	45				I	15102H

Học kỳ VIII

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	L T	TH / XM	BT L	Đ A	Loại i HP	HP học trước
Bắt buộc			4						
1	15383H	Thực tập tốt nghiệp	4					II	15382H
Tự chọn khoá luận tốt nghiệp									
1	15384H	Khoá luận tốt nghiệp	6					II	15303E 15310E
2	15362H	Kinh doanh vận tải biển	3					I	15303E
3	15361H	Kinh doanh cảng biển	3					I	15310E

Thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học: bằng thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa nêu trên cộng thêm 03 năm.

2.4. Tóm tắt các học phần